TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KỲ ANH** **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:01/2019/QĐST- HNGĐ	*Kỳ Anh, ngày 19 tháng 02 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN DÂN SỰ

Căn cứ vào các Điều 48, 217, 218, 219 và khoản 2 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm;

Xét thấy: Người khởi kiện rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thụ lý số: 19/2019/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2019 về việc: Ly hôn, giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị M

Sinh ngày: 15 – 5 - 1988

Địa chỉ: Xóm 9 (thôn B), xã H, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh

Bị đơn: Anh Phạm Ngọc D

Sinh ngày: 20 – 9 - 1987

Địa chỉ: Thôn Đ, xã L, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh

2. Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án:

Đương sự được quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án dân sự.

Nguyên đơn: Trần Thị M được trả lại 01 bản chính giấy chứng nhận kết hôn số 40, quyển số 01/2011, thể hiện anh Phạm Ngọc D và chị Trần Thị M đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh vào ngày 12 – 8 – 2011.

Nguyên đơn Trần Thị M được trả lại số tiền tạm ứng án phí là: 300.000đ (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005365 ngày 14 tháng 02 năm 2019.

3. Đương sự: Trần Thị M, Phạm Ngọc D có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự: M, D;
- VKS H.Kỳ Anh;
- Phòng nghiệp vụ TAND tỉnh;
- Chi cục THA dân sự H. Kỳ Anh
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn án.

THẨM PHÁN

Trần Quang Dũng

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 45-DS:

(1) Ghi tên Toà án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự; nếu Toà án ra quyết định là Toà án nhân dân cấp huyện cần ghi rõ tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện Nghi Xuân, tỉnh Thanh Hoá). Nếu Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh, (thành phố) nào (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: số 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi cụ thể lý do của việc đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thuộc trường hợp nào quy định tại Điều 217 hoặc các điều luật khác của Bộ luật tố tụng dân sự (ví dụ: xét thấy nguyên đơn là cá nhân đã chết mà quyền, nghĩa vụ của họ không được thừa kế quy định tại điểm a khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự).

(4) Ghi số, ngày tháng năm thụ lý vụ án (ví dụ: số 50/2017/TLST-KDTM).

(5) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: "tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân").

(6), (7) và (8) Nếu nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cá nhân, thì ghi họ tên và địa chỉ của cá nhân đó; nếu là cơ quan, tổ chức, thì ghi tên, địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó (ghi theo đơn khởi kiện).

(9) Tuỳ vào từng trường hợp đình chỉ vụ án cụ thể mà ghi hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án quy định tại Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự, (kể cả về tiền tạm ứng án phí).

(10) Tùy từng trường hợp cụ thể mà ghi tên cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện (nếu có).